TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-8-2024.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng;

2/ Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 396/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2024, giữa các đương sự.

- ***Nguyên đơn:*** Trịnh Thị Hồng N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số A, đường HN, phường MP, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số B, phường MP, thành phố Cao Lãnh, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A, đường HN, phường MP, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N và anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn Trịnh Thị Hồng N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T quen biết nhau qua mai mối được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Chị N và anh T đã không còn sống chung hơn 03 năm nay. Trong thời gian này, hai bên đã có tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Anh Th, sinh ngày 24/7/2006 và Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 03/5/2008, hiện nay con chung đang sống với chị N; Con chung Nguyễn Hồng Anh Th đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Tr, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo đơn yêu cầu phản tố, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N quen biết nhau qua mai mối được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Anh Th, sinh ngày 24/7/2006 và Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 03/5/2008, hiện nay con chung đang sống với chị N; Con chung Nguyễn Hồng Anh Th đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh T đồng ý chị N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Tr, anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo đơn yêu cầu phản tố, anh T yêu cầu N chia giá trị nhà và đất tại số Số A, đường HN, phường MP, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, với số tiền là 1.750.000.000 đồng. Trong quá trình thu thập chứng cứ, anh T đã có đơn rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa anh T rút yêu cầu đối với yêu cầu N chia giá trị nhà và đất, với số tiền là 1.750.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T, địa chỉ: Số A, đường HN, phường MP, thành phố Cao Lãnh. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

[2] Về nội dung:

- Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T quen biết nhau qua mai mối được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2005, không có đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân không có đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng Anh Th, sinh ngày 24/7/2006 và Nguyễn Anh Tr, sinh ngày 03/5/2008, hiện nay con chung đang sống với chị N; Con chung Nguyễn Hồng Anh Th đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Tr, anh T đồng ý chị N trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Tr, phù hợp với nguyện vọng của con chung, là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng.

- Về tài sản chung:

Chị N không yêu cầu giải quyết;

Anh T rút yêu cầu, đối với yêu cầu chị N chia giá trị nhà và đất, với số tiền là 1.750.000.000 đồng, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Anh T đã tạm ứng số tiền 4.232.000 đồng, đã chi xong, ông T rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố nên anh T phải chịu.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng theo khoản 2 Điều 147 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Các điều 9, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị Hồng N và anh Nguyễn Văn T.

3. Về con chung: Chị Trịnh Thị Hồng N được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Tr, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu

cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung:

- Chị Trịnh Thị Hồng N không yêu cầu giải quyết;

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn T, đối với yêu cầu chị Trịnh Thị Hồng N chia giá trị nhà và đất, với số tiền là 1.750.000.000 đồng;

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Anh T đã tạm ứng số tiền 4.232.000 đồng, đã chi xong, Anh T phải chịu.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0000208, ngày 25/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, chị N đã nộp xong; Hoàn trả cho anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 32.250.000 đồng theo biên lai số 0009559, ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

8. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự.
- Lưu.

Đinh Tấn Hiếu